

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2018

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh
2. Ông Bùi Văn Kiên

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về: “ Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu 1, xã Thạch Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đức H; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khu 1, xã Thạch Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 23/5/2018 và tại phiên tòa chị Bùi Thị Th trình bày: Chị và anh Trần Đức H tổ chức lễ thành hôn vào ngày 12/7/2003 theo thủ tục cưới hỏi của địa phương tại khu 1, xã Thạch Tân, huyện Thạch Thành, Thanh Hoá, nhưng không đăng ký kết hôn trước cơ quan có thẩm quyền. Từ đó chị và anh H sống chung với nhau như vợ chồng. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H và chị tính tình không hòa hợp, anh H đi làm và ít khi về nhà với mẹ con chị, hiện tại anh H đang sống chung với một người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến vợ con nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận giữa chị và anh H không phải là vợ chồng.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Trần Đình Tam, sinh ngày 02/8/2003 và Trần Đình Cường, sinh ngày 08/10/2011. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đình Cường vì cháu còn bé cần sự chăm sóc của mẹ và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng. Tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2018 anh Trần Đức H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Th tổ chức lễ thành hôn vào ngày 12/7/2003 theo thủ tục cưới hỏi của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh và chị Th sống hòa thuận được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh không hợp tính nhau, không cùng quan điểm sống, hay xảy ra mâu thuẫn bất hòa. Vợ chồng không thể chia sẻ thông cảm được với nhau trong cuộc sống. Anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị Th không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Th là vợ chồng.

- Về con cái: Anh và chị Thúy có 02 con chung là các cháu Trần Đình Tam, sinh ngày 02/8/2003 và Trần Đình Cường, sinh ngày 08/10/2011. Nguyên vọng của anh là anh xin được nuôi cả hai cháu Tam và Hiệp không yêu cầu chị Thúy phải cấp dưỡng nuôi con. Vì anh có thu nhập cao, ổn định, bố mẹ anh còn khỏe mạnh đủ sức khỏe để hỗ trợ anh chăm sóc nuôi dạy con cái.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H đã được thông báo hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Trần Đức H đều thừa nhận đã chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 12/7/2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc này đã được UBND xã Thạch Sơn nơi chị Th thường trú trước khi chung sống như vợ chồng với anh H và UBND xã Thạch Tân nơi anh H có hộ khẩu thường trú xác nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th và anh H không hợp tính nhau, không cùng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã bất hòa. Cả chị Th và anh H đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị Th và anh H là vợ chồng. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 1, khoản 7 điều 28 BLTTDS. Xét thấy chị Th và anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/ NQ – QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị Th và anh Trần Đức H là vợ chồng.

[2] Về con cái: Quá trình chung sống chị Th và anh H có 02 con chung là Trần Đình Tam, sinh ngày 02/8/2003 và Trần Đình Cường, sinh ngày 08/10/2011. Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Cường và giao cháu Tam cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy,

cháu Cường đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu Cường có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn cháu Tam lớn hơn và bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Cường cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tam, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị Th và anh H không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 14, 15, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 7 điều 28, khoản 2 điều 206, khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 và khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1/Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Th và anh Trần Đức H.

2/Về con cái: Giao cháu Trần Đình Cường, sinh ngày 08/10/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Giao cháu Trần Đình Tam, sinh ngày 02/8/2003 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Th và anh H có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị Th đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2015/0002306 ngày 11/05/2018. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị Th, vắng mặt anh Trần Đức H. Chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Văn Thanh

Bùi Văn Kiên

Phạm Văn Hùng

